

Biểu mẫu 01**CÔNG KHAI**

(Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 5

THÔNG BÁO**Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học: 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được.	- 98 % trẻ đạt kênh A	- 98 % trẻ đạt kênh A
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	100% trẻ được giáo dục theo chương trình GDMN của BGD&ĐT ban hành	100% trẻ được giáo dục theo chương trình GDMN của BGD&ĐT ban hành
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Lĩnh vực phát triển Nhận thức: 92% - Lĩnh vực phát triển Thể chất: 98% - Lĩnh vực phát triển Tình cảm – KN xã hội: 95% - Lĩnh vực phát triển Ngôn ngữ: 92%	- Lĩnh vực phát triển Nhận thức: 95% - Lĩnh vực phát triển Thể chất: 100% - Lĩnh vực phát triển Tình cảm – KN xã hội: 100% - Lĩnh vực phát triển Ngôn ngữ: 98% - Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: 97%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ. - Hoạt động giáo dục lễ giáo. - Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. - Tổ chức các hoạt động văn nghệ, sự kiện, lễ hội.	- Hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho trẻ. - Hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ. - Hoạt động trải nghiệm sáng tạo. - Tổ chức các hội thi, văn nghệ, sự kiện, lễ hội

Bình Thạnh, ngày 06 tháng 07 năm 2023

Hiệu trưởng



Huỳnh Thị Ngọc Thanh

UBND QUẬN BÌNH THẠNH TRƯỜNG MẦM NON 5

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học: 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em							
1	Số trẻ em nhóm ghép	0	0	0	0	0	0	0
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày	0	0	0	0	0	0	0
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	249	0	29	52	50	58	60
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0	0	0	0	0	0
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	249	0	29	52	50	58	60
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	249	0	29	52	50	58	60
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	249	0	29	52	50	58	60
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	223	0	28	51	46	47	51
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1	0	0	0	0	0	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	223	0	0	0	0	0	0
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	2	0	1	0	0	0	1
5	Số trẻ thừa cân béo phì	23	0	0	1	4	11	7
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	81	0	29	52	0	0	0
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	168	0	0	0	50	58	60

Bình Thạnh, ngày 06 tháng 07 năm 2023

Hiệu trưởng



Huỳnh Thị Ngọc Thanh

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 5

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân			
I	Tổng số phòng	10				
II	Loại phòng học					
1	Phòng học kiên cố	10				
2	Phòng học bán kiên cố	0				
3	Phòng học tạm	0				
4	Phòng học nhờ	0				
III	Số điểm trường	01				
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	1563	5,7 m ² /trẻ em			
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	160	0,6 m ² /trẻ em			
VI	Tổng diện tích một số loại phòng					
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	463	1,68m ² /trẻ em			
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	463	1,68m ² /trẻ em			
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	156	0,57m ² /trẻ em			
4	Diện tích sân chơi (m ²)	84	0,31m ² /trẻ em			
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	63,5	0,23m ² /trẻ em			
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	64	0,23m ² /trẻ em			
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	142	0,52m ² /trẻ em			
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)			
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	10	1 bộ/1 lớp			
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0				
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	17	17 bộ/sân chơi (trường)			
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	11				
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)			
1	...					
XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	34	14	69/56,5	0,05	0,52/0,49
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	

Bình Thạnh, ngày 06 tháng 7 năm 2023

Hiệu trưởng



Huỳnh Thị Ngọc Thanh

UBND QUẬN BÌNH THẠNH
TRƯỜNG MẦM NON 5

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30	0	2	14	6	0	0	0	16	6	5	16	0	0
I	Giáo viên	19	0	0	12	6	0	0	0	16	3	4	14	0	0
1	Nhà trẻ	8	0	0	4	4	0	0	0	8	0	0	8	0	0
2	Mẫu giáo	11	0	0	9	2	0	0	0	8	3	4	6	0	0
II	Cán bộ quản lý	03	0	02	01	0	0	0	0	00	03	01	02	0	0
1	Hiệu trưởng	01	0	01	0	0	0	0	0	0	01	01	0	0	01
2	Phó hiệu trưởng	02	0	01	01	0	0	0	0	0	02	0	02	0	02
III	Nhân viên	08	0	0	01	0	01	06	0	0	0	0	0	0	0
1	Nhân viên văn thư	01	0	0	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Nhân viên kế toán	01	0	0	01	0	0	0	0	0	0	0	0	0	01
3	Thủ quỹ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Nhân viên y tế	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Nhân viên khác	06	0	0	0	0	0	06	0	0	0	0	0	0	0

Bình Thạnh, ngày 06 tháng 7 năm 2023

Hiệu trưởng


Huỳnh Thị Ngọc Thanh